

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy kỳ họp Quốc hội
ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15
ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy kỳ họp Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Kỳ họp Quốc hội

1. Kỳ họp Quốc hội là hình thức hoạt động chủ yếu của Quốc hội. Tại kỳ họp, Quốc hội thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Kỳ họp Quốc hội có thể được tổ chức liên tục hoặc theo nhiều đợt. Trong thời gian giữa các đợt của kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội thực hiện các công việc thuộc nội dung kỳ họp.

2. Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ.

Kỳ họp không thường lệ của Quốc hội được tổ chức khi có yêu cầu của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội đề kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của Quốc hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc tổ chức kỳ họp không thường lệ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Chủ trì kỳ họp Quốc hội

Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì kỳ họp Quốc hội theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động tại kỳ họp Quốc hội, bảo đảm để Quốc hội thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình và kỳ họp Quốc hội được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, đạt hiệu quả thiết thực theo chương trình đã được Quốc hội thông qua.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Quốc hội, tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung của kỳ họp Quốc hội và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; chủ động ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để thực hiện hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội, các hoạt động tại kỳ họp Quốc hội và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của đại biểu Quốc hội theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội.

2. Trường hợp không thể tham dự kỳ họp, phiên họp Quốc hội theo chương trình kỳ họp đã được Quốc hội thông qua, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm báo cáo Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để thông báo đến Văn phòng Quốc hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội; nếu không thể tham dự kỳ họp Quốc hội hoặc vắng mặt tổng số trên 02 ngày làm việc trong cả kỳ họp Quốc hội thì phải được Chủ tịch Quốc hội đồng ý, trừ trường hợp vắng mặt vì lý do sức khỏe, lý do bất khả kháng hoặc vắng mặt để thực hiện nhiệm vụ của kỳ họp Quốc hội theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.

Danh sách đại biểu Quốc hội không thể tham dự kỳ họp Quốc hội, vắng mặt tại phiên họp Quốc hội được ghi vào biên bản phiên họp, biên bản kỳ họp Quốc hội, trừ trường hợp vắng mặt để thực hiện nhiệm vụ của kỳ họp Quốc hội theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện chương trình kỳ họp Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội và các quy định khác về kỳ họp Quốc hội; tổ chức và điều hành hoạt động của Đoàn; giữ mối liên hệ với Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan để triển khai các hoạt động của Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 như sau:

“2. Việc xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội phù hợp với yêu cầu thực tiễn; trong đó, ưu tiên bảo đảm thời gian để nghiên cứu, giải trình,

tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp; bố trí phiên thảo luận về kinh tế - xã hội trước phiên chất vấn; các nội dung trong các lĩnh vực có liên quan được bố trí thời gian thảo luận gần nhau.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp không thường lệ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội trình Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội;

b) Quốc hội xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp Quốc hội.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức tài liệu điện tử, trường hợp thuộc bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Đối với tài liệu đã lưu hành bằng hình thức tài liệu điện tử, trong trường hợp cần thiết, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội báo cáo Chủ tịch Quốc hội quyết định việc lưu hành thêm tài liệu giấy; trường hợp đại biểu Quốc hội có yêu cầu, Văn phòng Quốc hội tổ chức việc cung cấp thêm tài liệu giấy;”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 9 như sau:

“5. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội thực hiện đăng tải hồ sơ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định tài liệu khác phục vụ kỳ họp Quốc hội được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội.

6. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quyết định việc phát hành kỷ yếu của kỳ họp Quốc hội dưới dạng điện tử để đăng tải các văn kiện chủ yếu của mỗi kỳ họp Quốc hội.”.

8. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 10 như sau:

“2. Đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc lấy ý kiến đại biểu

Quốc hội bằng phiếu xin ý kiến được gửi đến Văn phòng Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phiếu xin ý kiến thể hiện rõ phương án, ưu điểm, nhược điểm của từng phương án và được thể hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

Trường hợp phiếu xin ý kiến về nội dung trong dự thảo luật, dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật được thể hiện bằng văn bản giấy thì thời hạn đề nghị đại biểu Quốc hội gửi lại ý kiến tối thiểu là 24 giờ kể từ khi gửi phiếu đến đại biểu Quốc hội.

3. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào phiếu xin ý kiến và gửi lại phiếu xin ý kiến đến Văn phòng Quốc hội đúng thời hạn.

4. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức việc lấy ý kiến đại biểu Quốc hội; tổng hợp kết quả phiếu xin ý kiến và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để báo cáo Quốc hội.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Kỳ họp thường lệ giữa năm của Quốc hội khai mạc vào ngày 20 tháng 5; kỳ họp thường lệ cuối năm của Quốc hội khai mạc vào ngày 20 tháng 10. Trường hợp ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 10 trùng vào ngày thứ Sáu của tuần hoặc ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội là ngày làm việc kế tiếp. Trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức kỳ họp Quốc hội vào các thời điểm nêu trên hoặc trường hợp thật cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn thì ngày khai mạc kỳ họp thường lệ của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước quyết định theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội.

Ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối nhiệm kỳ và kỳ họp không thường lệ của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 12 như sau:

“1. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn đánh giá kết quả kỳ họp Quốc hội và việc tuân thủ các quy định của Nội quy kỳ họp Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội; gửi báo cáo tổng hợp ý kiến của Đoàn đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi bế mạc kỳ họp Quốc hội. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các Đoàn đại biểu Quốc hội và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Sau khi bế mạc kỳ họp Quốc hội, tại phiên họp gần nhất, căn cứ ý kiến của các Đoàn đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức tổng kết kỳ họp Quốc hội với sự tham dự của

Chủ tịch nước, đại diện Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có trách nhiệm điều hành phiên họp theo trình tự quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

Văn phòng Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tham mưu, phục vụ Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội trong việc điều hành phiên họp toàn thể của Quốc hội đối với nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Trường hợp đại biểu Quốc hội vắng mặt tại phiên họp hoặc đăng ký mà chưa phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do hết thời gian phát biểu thì gửi ý kiến bằng văn bản đến Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội để tổng hợp.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thuyết trình về dự án, dự thảo, trình bày báo cáo không quá 10 phút, trừ trường hợp theo quyết định của Quốc hội được ghi trong chương trình kỳ họp Quốc hội.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 2 như sau:

“d) Căn cứ nội dung và tình hình thảo luận thực tế, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có thể mời đại biểu Quốc hội phát biểu không theo thứ tự đăng ký, mời đại biểu Quốc hội đã đăng ký phát biểu tranh luận ý kiến của đại biểu Quốc hội phát biểu trước đó; yêu cầu đại biểu Quốc hội phát biểu tập trung vào nội dung trọng tâm của phiên họp, dừng phát biểu hoặc dừng tranh luận nếu đại biểu Quốc hội phát biểu, tranh luận quá thời gian hoặc phát biểu, tranh luận không đúng nội dung;

đ) Tại phiên họp toàn thể thảo luận về dự án luật, nghị quyết, báo cáo, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp mời đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội mỗi lần không quá 10 phút.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Căn cứ diễn biến phiên họp, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp có thẩm quyền sau đây:

a) Đề nghị Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài thời gian mỗi đại biểu Quốc hội phát biểu hoặc kéo dài thời gian của phiên họp;

b) Đề nghị Quốc hội quyết định giới hạn lại nội dung thảo luận để tránh trường hợp các ý kiến chỉ tập trung vào một số nội dung nhất định mà chưa bao quát toàn diện các vấn đề của dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo;

c) Quyết định kéo dài thời gian mỗi lần giải trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền không quá 15 phút khi nội dung được thảo luận hoặc giải trình có nhiều vấn đề phức tạp, chuyên môn sâu.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội

1. Ý kiến phát biểu tại phiên họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Quốc hội có giá trị như nhau và phải được tổng hợp, giải trình, tiếp thu và báo cáo đầy đủ, trung thực với Quốc hội.

2. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tổ chức việc tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm chỉ đạo vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban thực hiện tổng hợp ý kiến đối với nội dung do cơ quan mình chủ trì thẩm tra hoặc nội dung thuộc lĩnh vực do cơ quan mình phụ trách để gửi Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội. Việc tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội đối với nội dung về công tác nhân sự thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo tự mình hoặc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo giải trình bước đầu ý kiến thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội gửi đến đại biểu Quốc hội chậm nhất là 24 giờ trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về nội dung đó.

4. Bản ghi âm ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại các phiên họp được Văn phòng Quốc hội gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình và đại biểu Quốc hội chậm nhất là 24 giờ kể từ khi kết thúc phiên thảo luận.

Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội về từng nội dung của kỳ họp Quốc hội được gửi đến đại biểu Quốc hội, cơ quan trình và cơ quan chủ trì thẩm tra chậm nhất là 02 ngày đối với kỳ họp thường lệ và 24 giờ đối với kỳ họp không thường lệ trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội về nội dung đó. Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội tại phiên họp toàn thể của Quốc hội phải được gửi đến đại biểu Quốc hội, cơ quan trình và cơ quan chủ trì thẩm tra chậm nhất là 03 ngày đối với kỳ họp thường lệ và 02 ngày đối với kỳ họp không thường lệ kể từ khi kết thúc phiên thảo luận về nội dung đó.

Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội tại phiên biểu quyết thông qua phải được gửi đến đại biểu Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

5. Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội do Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quy định.”.

16. Bổ sung Điều 31a vào sau Điều 31 như sau:

“Điều 31a. Quyết định cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội bao gồm:

- a) Tờ trình về cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình;
- b) Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan;
- c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội;
- d) Quốc hội thảo luận;
- đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- e) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

3. Trường hợp cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội được xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa trước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều này.”.

17. Bổ sung khoản 3 vào Điều 34 như sau:

“3. Tại các kỳ họp sau kỳ họp thứ nhất, trong trường hợp cần thiết, Quốc hội quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Chính phủ theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“Điều 48. Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

1. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan bao gồm:

- a) Tờ trình về thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- b) Đề án thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- c) Báo cáo đánh giá tác động của việc thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- d) Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- đ) Dự thảo nghị quyết thành lập, bãi bỏ cơ quan;
- e) Báo cáo thẩm tra về việc thành lập, bãi bỏ cơ quan.

2. Hồ sơ trình Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt gồm các tài liệu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và báo cáo thẩm tra của cơ quan của Quốc hội về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

3. Quốc hội quyết định việc thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình;
- b) Đại diện cơ quan của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội;

d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến việc thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

đ) Chính phủ chỉ đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu,

giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến; Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

Chính phủ chỉ đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

Trường hợp Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết thành lập, giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại kỳ họp tiếp theo thì áp dụng trình tự quy định tại Điều 51 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

4. Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan có thẩm quyền trình bày tờ trình;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội;

d) Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền trình giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến việc thành lập, bãi bỏ cơ quan;

đ) Cơ quan trình chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến; Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

Cơ quan trình chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Cơ quan trình báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

g) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trình tự Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội

1. Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình hoặc báo cáo.
2. Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Quốc hội về việc thẩm tra.
3. Đại diện cơ quan, tổ chức báo cáo Quốc hội về lĩnh vực có liên quan theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
4. Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội, tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

5. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, thành viên Chính phủ giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến tờ trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết.

6. Việc nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chính phủ chỉ đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến; Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

b) Chính phủ chỉ đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trường hợp Chính phủ có ý kiến khác với ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc có nội dung quan trọng, phức tạp cần có thêm thời gian để nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc trên cơ sở đề xuất của Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định cho lùi thời điểm trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại;

c) Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

7. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

8. Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm thông qua để tiếp tục hoàn thiện, trình Quốc hội

thông qua tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại.

Việc hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Nội quy kỳ họp Quốc hội. Việc trình lại và hồ sơ trong trường hợp trình lại thực hiện theo quy định tại Điều này và Điều 49 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Trình tự Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội tại kỳ họp tiếp theo

1. Trước kỳ họp tiếp theo, Chính phủ chỉ đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

3. Chính phủ chỉ đạo tổ chức nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Tại kỳ họp tiếp theo:

a) Chính phủ báo cáo Quốc hội việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trong đó nêu rõ ý kiến khác với ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nếu có);

b) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo ý kiến về nội dung Chính phủ dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

c) Quốc hội thảo luận về nội dung dự thảo nghị quyết;

d) Việc nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội đề chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Quốc hội biểu quyết thông qua được thực hiện theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 50 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 58 như sau:

“1. Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”.

22. Thay cụm từ tại một số điều, khoản sau đây:

a) Thay cụm từ “Ủy ban Pháp luật của Quốc hội” tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 34, điểm b khoản 1 Điều 38, cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” tại khoản 2 Điều 40, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 46, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 53, cụm từ “Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội” tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 54 bằng

cụm từ “cơ quan của Quốc hội”;

b) Thay cụm từ “Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội” và cụm từ “Thường trực Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội” tại khoản 2 Điều 5 bằng cụm từ “Thường trực cơ quan của Quốc hội phụ trách lĩnh vực đối ngoại”;

c) Thay cụm từ “Chánh án Tòa án nhân dân tối cao” tại khoản 8 Điều 40 bằng cụm từ “Ủy ban Thường vụ Quốc hội”;

d) Thay cụm từ “Tổng Thư ký Quốc hội” tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5, khoản 6 Điều 17, khoản 1 Điều 22 và điểm c khoản 2 Điều 57 bằng cụm từ “Văn phòng Quốc hội”;

đ) Thay cụm từ “Tổng Thư ký Quốc hội” tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 7, các khoản 1, 2, 3 và 7 Điều 9, khoản 3 Điều 11, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 25, các khoản 3, 6 và 7 Điều 26, các khoản 1, 2, 5, 7 và 9 Điều 37 bằng cụm từ “Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội”;

e) Thay cụm từ “thư ký phiên họp” tại khoản 2 Điều 26 bằng cụm từ “Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội”.

23. Bổ sung đoạn, cụm từ, bỏ cụm từ tại một số điều, khoản sau đây:

a) Bổ sung đoạn “Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.” vào đầu điểm c khoản 2 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 53, điểm c khoản 2 Điều 54 và điểm b khoản 2 Điều 55;

b) Bổ sung cụm từ “, ghi hình” vào sau cụm từ “tài liệu ghi âm” tại Điều 8;

c) Bổ sung cụm từ “cơ quan trình hoặc” vào trước cụm từ “cơ quan chủ trì thẩm tra” tại khoản 1 Điều 20;

d) Bổ sung cụm từ “trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội” vào trước cụm từ “về việc tổ chức phiên họp” tại khoản 2 Điều 22;

đ) Bỏ cụm từ “người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội,” tại khoản 3 Điều 5;

e) Bỏ cụm từ “, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội” tại điểm b khoản 1 Điều 7;

g) Bỏ cụm từ “và Truyền hình Quốc hội Việt Nam” tại khoản 4 Điều 9;

h) Bỏ cụm từ “, Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội” tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 57.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết đã có trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được thông qua thì việc tiến hành các trình tự tại kỳ họp Quốc hội được thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp Quốc hội

ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội. Đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (Chương trình lập pháp) năm 2025 kể từ ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được thông qua thì việc tiến hành các trình tự tại kỳ họp Quốc hội được thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp Quốc hội được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết này. 

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn